



**CHỦ TỊCH NƯỚC**

Số: **550** /QĐ-CTN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **02** tháng **4** năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc tặng thưởng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang**

**CHỦ TỊCH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ Điều 88 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng;  
Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số: 298/TTr-TTg  
ngày 07 tháng 3 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Tặng thưởng:**

- **Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng nhất** cho 09 cá nhân thuộc Bộ Công an (có Danh sách kèm theo)

*Đã có thời gian 20 năm phục vụ liên tục trong lực lượng Công an nhân dân, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*

- **Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng nhì** cho 19 cá nhân thuộc Bộ Công an (có Danh sách kèm theo)

*Đã có thời gian 15 năm phục vụ liên tục trong lực lượng Công an nhân dân, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*

- **Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng ba** cho 25 cá nhân thuộc Bộ Công an (có Danh sách kèm theo)

*Đã có thời gian 10 năm phục vụ liên tục trong lực lượng Công an nhân dân, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

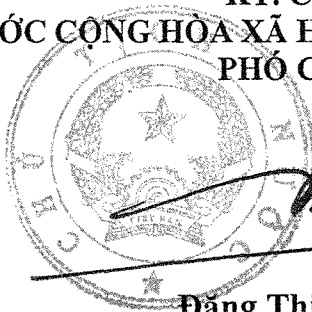
Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

**KT. CHỦ TỊCH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- VPCTN: CNVP, Website VP;
- Ban Thi đua-Khen thưởng TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (2).



**Đặng Thị Ngọc Thịnh**



**DANH SÁCH**  
**CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC TẶNG THƯỞNG HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VẺ VANG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 530 /QĐ-CTN ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch nước)

**I. Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất:**

| TT | Cấp bậc  | Họ và tên            | Quê quán                                          | Đ.VỊ | Thâm niên (Năm) |
|----|----------|----------------------|---------------------------------------------------|------|-----------------|
| 1  | Thiếu tá | Nguyễn Đức Mừng      | Huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương                     | C44  | 20              |
| 2  | Trung tá | Bùi Đức Nhã          | Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội | C46  | 22              |
| 3  | Thiếu tá | Nguyễn Tuấn Việt     | Xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương        | “    | 20              |
| 4  | Thiếu tá | Nguyễn Tuấn Anh      | Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội    | “    | 20              |
| 5  | Thiếu tá | Trần Văn Trường      | Xã Việt Thành, huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái       | “    | 20              |
| 6  | Thiếu tá | Nguyễn Trường Sơn    | Xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị       | “    | 20              |
| 7  | Trung tá | Nguyễn Thị Hồng Thắm | Xã Thạch Thượng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh     | C72  | 22              |
| 8  | Thiếu tá | Phạm Thành Được      | Xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp | C74  | 20              |
| 9  | Trung úy | Nguyễn Văn Bội       | Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên        | C44  | 22              |

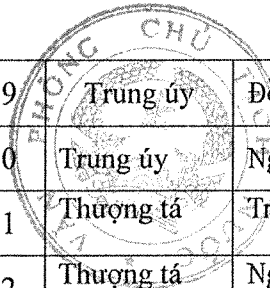
**II. Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhì:**

| TT | Cấp bậc   | Họ và tên       | Quê quán                                    | Đ.VỊ | Thâm niên (Năm) |
|----|-----------|-----------------|---------------------------------------------|------|-----------------|
| 1  | Thượng tá | Đoàn Văn Đào    | Xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang | C46  | 42              |
| 2  | Trung tá  | Nguyễn Đức Tuấn | Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định   | “    | 23              |

|    |           |                  |                                                   |     |    |
|----|-----------|------------------|---------------------------------------------------|-----|----|
| 3  | Đại úy    | Đào Hải Quân     | Xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị     | “   | 17 |
| 4  | Đại úy    | Nguyễn Lê Viên   | Xã Hùng Quan, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ       | “   | 17 |
| 5  | Đại úy    | Nguyễn Hữu Thành | Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình         | “   | 17 |
| 6  | Thiếu tá  | Đỗ Quỳnh Trang   | Phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội   | “   | 15 |
| 7  | Đại úy    | Hoàng Văn Khanh  | Xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa         | “   | 15 |
| 8  | Thượng úy | Đàm Thị Kim Oanh | Xã Duy Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam           | C53 | 15 |
| 9  | Đại úy    | Hoàng Văn Thắng  | Xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng  | C64 | 15 |
| 10 | Đại úy    | Trịnh Tuấn Ngọc  | Xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định           | “   | 15 |
| 11 | Đại úy    | Nguyễn Văn Sáu   | Xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình     | “   | 17 |
| 12 | Đại úy    | Trần Xuân Dương  | Xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định          | C73 | 15 |
| 13 | CNV       | Trần Thị Tiềm    | Xã Động Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên         | “   | 16 |
| 14 | Trung úy  | Nguyễn Văn Bội   | Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên        | C44 | 22 |
| 15 | Thượng tá | Trần Hữu Tình    | Xã Đức Bông, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh          | C46 | 37 |
| 16 | Thượng tá | Nguyễn Văn Tình  | Xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương             | “   | 40 |
| 17 | Thượng tá | Trịnh Công Thắng | Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình       | “   | 35 |
| 18 | Đại tá    | Phạm Bá Khiêm    | Phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng | “   | 41 |
| 19 | Thượng tá | Nguyễn Văn Cửu   | Xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội       | C73 | 33 |

### III. Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba:

| TT | Cấp bậc   | Họ và tên             | Quê quán                                          | Đ.VỊ | Thâm niên (Năm) |
|----|-----------|-----------------------|---------------------------------------------------|------|-----------------|
| 1  | Trung úy  | Nguyễn Bá Nhuận       | Xã Đông Cơ, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình        | C44  | 10              |
| 2  | Thượng úy | Cần Văn Hùng          | Xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội    | C45  | 11              |
| 3  | Thượng úy | Ngô Tùng Lâm          | Xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam        | "    | 11              |
| 4  | Thượng úy | Nguyễn Đức Thành      | Xã Quyết Thắng, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương  | C43  | 11              |
| 5  | Thượng úy | Lê Quang Dũng         | Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội        | C46  | 13              |
| 6  | Thượng úy | Lương Hồng Sơn        | Xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định           | C47  | 10              |
| 7  | Thượng úy | Sa Văn Lập            | Huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ                       | "    | 10              |
| 8  | Thượng úy | Nguyễn Vui            | Xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam     | "    | 11              |
| 9  | Trung úy  | Trần Văn Đức          | Xã Kỳ Văn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh             | "    | 10              |
| 10 | Thượng úy | Nguyễn Anh Tú         | Xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị       | "    | 11              |
| 11 | Đại úy    | Vũ Thành Trường       | Xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa    | C50  | 10              |
| 12 | Thượng úy | Đinh Văn Duyên        | Xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam       | "    | 11              |
| 13 | CNV       | Đào Thị Thoại         | Xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa     | C73  | 10              |
| 14 | CNV       | Hà Thị Kim Yến        | Thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ   | "    | 10              |
| 15 | CNV       | Nguyễn Thị Phương Lan | Xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh     | "    | 10              |
| 16 | CNV       | Nguyễn Thị Minh       | Xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội       | "    | 10              |
| 17 | CNV       | Hà Thị Hương          | Xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội | "    | 10              |
| 18 | Đại úy    | Lê Thị Thúy Hằng      | Xã Khánh Hội, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình     | C74  | 10              |



|    |           |                  |                                                    |     |    |
|----|-----------|------------------|----------------------------------------------------|-----|----|
| 19 | Trung úy  | Đỗ Đức Trung     | Xã Hoàng Long, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa | “   | 10 |
| 20 | Trung úy  | Nguyễn Văn Bội   | Xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên         | C44 | 22 |
| 21 | Thượng tá | Trần Hữu Tình    | Xã Đức Bông, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh           | C46 | 37 |
| 22 | Thượng tá | Nguyễn Văn Tình  | Xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương              | “   | 40 |
| 23 | Thượng tá | Trịnh Công Thắng | Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình        | “   | 35 |
| 24 | Đại tá    | Phạm Bá Kiên     | Phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng  | “   | 41 |
| 25 | Thượng tá | Nguyễn Văn Cửu   | Xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội        | C73 | 33 |